

Tầm quan trọng của Phạm Võng Kinh đối với hàng xuất gia

ISSN: 2734-9195 10:55 11/08/2025

Đối với những ai đã phát tâm thọ giới phải thường xuyên thọ trì để không bị quên mất, không chỉ những ngày Bồ-tát thuyết giới, mà trong tất cả thời nếu rảnh đều nên thường xuyên tụng niệm để không xao nhãng đối với giới luật.

Mở đầu

Kinh Phạm Võng (梵網經), đặc biệt là phần Bồ-tát giới, giữ vị trí trọng yếu trong truyền thống Phật giáo Đại thừa, được xem là kim chỉ nam cho đời sống phạm hạnh và hạnh nguyện Bồ-tát đạo.

Đối với hàng xuất gia, kinh này không chỉ quy định giới luật nhằm hộ trì thân khẩu ý thanh tịnh, mà còn mở ra con đường phát tâm rộng lớn, lấy lợi ích của tất cả hữu tình làm mục tiêu tối hậu.



(Ảnh: Internet)

Giới luật trong Phạm Võng Kinh vượt ra khỏi phạm vi tự độ, hướng người tu đến lý tưởng “trên cầu giác ngộ, dưới hóa độ chúng sinh”. Đây là nền tảng để duy trì đạo lực, gìn giữ sự thanh tịnh của Tăng đoàn, đồng thời nuôi dưỡng trí tuệ và từ bi viên mãn. Kinh còn nhấn mạnh mối liên hệ bất khả phân giữa việc giữ giới, phát Bồ-đề tâm và thành tựu đạo quả, giúp hành giả vừa kiên định trên con đường giải thoát, vừa khéo léo ứng dụng phương tiện trong đời sống.

Vì vậy, nghiên cứu Phạm Võng Kinh không chỉ giúp hàng xuất gia hiểu rõ giới thể và phương pháp hành trì, mà còn khơi dậy niềm tin, tăng trưởng hạnh nguyện, và duy trì lý tưởng cao cả của bậc xuất trần.

Nội dung

Đối với tự thân

Tăng trưởng niềm tin đối với Tam bảo

Phạm-võng kinh đóng một vai trò quan trọng trong đời sống tu tập của mỗi hành giả phát tâm xuất gia, đi trên con đường rộng lớn. Giới Phạm-võng giúp đánh thức những tâm hồn ngủ mê trong cơn đại mộng, khơi dậy niềm tin nơi những ai chưa phát khởi, tăng trưởng niềm tin cho những ai đã có niềm tin chắc thật nơi Tam bảo.

Niềm tin của một hành giả thực hành hạnh Bồ-tát đã được gieo trồng từ nhiều đời, nay được khơi dậy bằng tinh tấn, tăng trưởng nhờ vào thực hành tâm linh của hành giả.

Trải qua mỗi giai đoạn nhận thức, mỗi cung bậc hạnh phúc mà niềm tin hành giả được ghi nhận nhờ giữ giới, ngày một tăng trưởng.

Trong giới Bồ-tát của Phạm-võng, nếu như hành giả không có niềm tin vào Tam bảo lại còn huỷ báng sẽ phạm vào giới thứ mười Huỷ báng Tam bảo trong mười giới trọng. Ba niềm tin ấy, trong Phạm-võng kinh yếu lược hiệp chú triển khai như sau:

- Tin Phật

Sự kính ngưỡng của đệ tử đối với đức Phật khi Ngài còn tại thế được thể hiện qua các hành vi cung kính, cúng dường và gần gũi để học hỏi, tu tập theo tấm gương sống động của Ngài. Tuy nhiên, sau khi Phật nhập diệt, tinh thần thân cận và cúng dường ấy vẫn tiếp tục được duy trì trong hình thức mới, mang tính chất biểu trưng và tâm linh sâu sắc hơn. Đức Phật đã chỉ dạy cho hàng Bồ-tát

về cách thức thân cận và cúng dường chư Phật sau thời Ngài như sau: “Vào thời kỳ tương lai có những đại Bồ-tát bằng vô số công đức tu phước, có giới, có trí khi nghe được chương cú của kinh này sẽ phát khởi tín tâm chân thật. Nay Tu-bồ-đề! Chư Bồ-tát ma-ha-tát ấy đã từng cung kính cúng dường thiên vạn chư Phật và cũng từng gieo trồng thiện căn cùng thiên vạn ức Phật.”[1]



Hành giả tin nơi Phật, bậc đã tu tập giác ngộ, khiến cho người được giác ngộ, giác ngộ hoàn toàn đầy đủ cho mình và người không chỉ là đức Phật Thích Ca ở hiện tại, mà còn là tất cả chư Phật ba đời. Sự giác ngộ của Phật không phải là hiện tượng cá biệt mà là sự kế thừa liên tục: Phật Thích Ca được truyền tâm ấn từ ngàn Phật, ngàn Phật truyền từ Xá-na Phật, và Xá-na Phật lại nối tiếp chư Phật trước đó. Tất cả chư Phật ba đời đều đầy đủ ba thân: pháp thân, báo thân và ứng hóa thân.

Phật trong Phạm-võng kinh không chỉ là một bậc thánh hiện hữu với đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp, mà pháp thân của Ngài còn vượt thoát mọi giới hạn của hình tướng và thời gian vốn vô tướng, vô thủ vô chung, phi thường phi đoạn, thường trú trạm tịch, châu biến thập phương. Điều này cho thấy, niềm tin vào đức Phật cần vượt lên mọi giới hạn về không gian, thời gian, hình tướng và khái niệm thường-đoạn, động-tĩnh. Niềm tin ấy không còn dựa trên đối tượng cụ thể, mà mang tính vô ngã, vô lượng, vô biên, đây là niềm tin được khai mở từ nội tâm giác ngộ của chính hành giả.

Trong thời mạt pháp, khi khoảng cách với thời Phật xa dần, tâm hành giả dễ bị ô nhiễm, khó duy trì tín tâm thanh tịnh. Việc cúng dường và thân cận đức Phật

chủ yếu thông qua hình ảnh, tượng Phật. Phạm-võng kinh mô tả: “Hình tượng Phật là lấy năm loại bấu để làm tượng hoặc lấy các loại gỗ rồi cho điêu khắc mà thành, hoặc lấy vải chỉ buộc lại vẽ mà thành hình tượng”. Đây là phương tiện hữu hình khơi dậy tín tâm, dẫn đến niềm tin vượt ngoài hình tướng.

Từ nền tảng ấy, hành giả tin nơi Phật tánh vốn có của mình, như lời Phật dạy: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành”, và tin rằng mọi chúng sinh đều có khả năng thành Phật. Niềm tin này thôi thúc hành giả tinh tấn, nuôi dưỡng từ bi và trí tuệ.

Khi tín tâm kiên cố, hành giả dùng mọi phương tiện để cung kính và thân cận chư Phật, nhưng không chấp hình tướng. Đạo Phật là đạo vô tướng, buông bỏ chấp trước mới thể nhập tâm địa thanh tịnh và hành trì giới luật viên mãn theo tinh thần Bồ-tát đạo.

- Tin Pháp

Sau khi phát khởi niềm tin nơi đức Phật, hành giả sẽ tăng trưởng niềm tin vào pháp – con đường mà Ngài đã giảng dạy để vượt qua vô minh, diệt trừ phiền não, phát sinh trí tuệ và hướng đến giải thoát. Giới kinh thứ bảy định nghĩa: “Pháp là luật, khéo hay tự trị dâm, nộ, si cũng hay trị ác nghiệp cho chúng sinh. Kinh luật đều gọi là Tỳ-ni, vì kinh tức là Phạm-võng giới kinh; luật là tâm địa pháp luật và các giới tạng của Bồ-tát. Tất cả kinh điển đại thừa có nghĩa là diệt ác sinh thiện, nên cũng đồng gọi là Tỳ-ni”. Pháp vừa là hệ thống quy phạm đạo đức, vừa là phương tiện điều phục thân tâm, xa lìa ác pháp, tiến tu thiện pháp.

Sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, lời dạy của Ngài được kết tập thành Tam tạng thánh điển. Trong Giới 44, pháp được chia thành bốn: “thanh, danh, cú, văn thì gọi là giáo pháp; các pháp có và không thì gọi là lý pháp; giới, định, tuệ, hạnh gọi là hành pháp; diệu quả vô vi gọi là quả pháp. Bốn pháp này dẫn dắt chúng sinh ra khỏi biển khổ sinh tử”.

Pháp có năng lực vi diệu: như kim cang phá tan sinh tử, như mặt trời soi đường mê lầm, như đạo sư khéo dẫn dắt chúng sinh đến Bảo sở. Niềm tin nơi pháp phải chân thật, kiên định, được nuôi dưỡng qua nghe, học, quán chiếu, hành trì và thể nghiệm. Hành giả tin sâu sẽ cung kính thọ trì, đọc tụng, giảng giải, biên chép và hộ trì pháp bảo.

Nhờ chuyên cần học và hành pháp, hành giả đoạn trừ tham, sân, si, vững tâm hành thiện và giữ chính kiến, không rơi vào tà kiến hay bỏ Đại thừa theo Tiểu thừa. Lấy vô thượng Bồ-đề làm mục tiêu, hành giả vừa tự giải thoát vừa hóa độ vô lượng chúng sinh, bởi pháp là thuyền từ vượt biển sinh tử, là ngọn đèn trí tuệ

phá tan bóng tối vô minh.

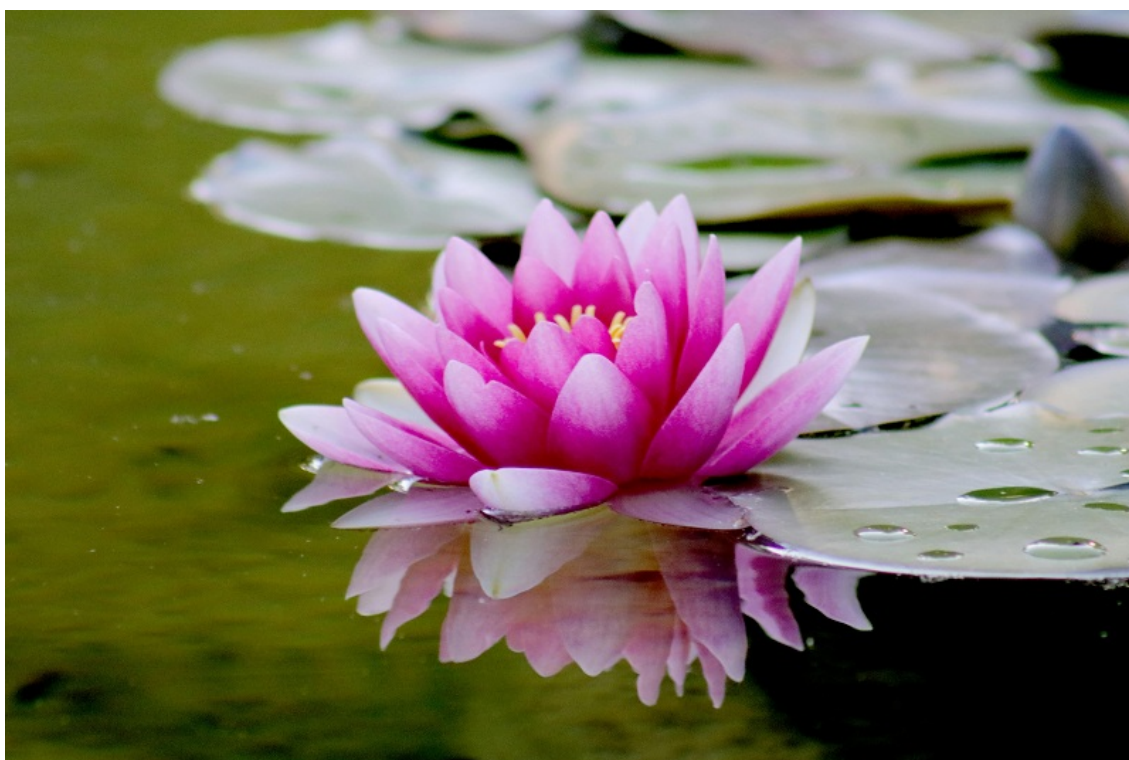
- Tin Tăng

Tăng bảo, một trong ba ngôi Tam bảo, là chỗ quy y vững chắc, biểu tượng của hòa hợp, thanh tịnh và là hiện thân sống động của giáo pháp. Không chỉ gồm Tăng đoàn xuất gia, Tăng còn bao hàm hình tượng Phật, Bồ-tát – những bậc giác ngộ đang thị hiện để giáo hóa chúng sinh. Nương vào các bậc ấy, hành giả khởi tín tâm, tin rằng Tăng bảo luôn hiện hữu, hộ trì và dẫn dắt thoát khỏi tam giới.

Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni là những bậc trì giữ pháp tạng, học rộng, tu phạm hạnh qua nhiều kiếp, làm cầu nối giữa giáo pháp và hậu học. Tăng đoàn quy tụ các bậc thầy trực tiếp hướng đạo, là mô phạm giữa đời, khuyến hóa hành thiện, xa ác. Để hoàn thành sứ mệnh, Tăng nhân cần học thông Tam tạng, tinh thông giới luật, nắm vững trung đạo.

Có Tăng bảo, người học loại trừ kiêu mạn, phá chấp ngã, phát khởi lòng tin, thân cận và học hạnh thanh tịnh của Tăng, từ đó tăng trưởng trí tuệ và thoát ly khổ đau. Tăng là hiện thân của pháp đang sống, là trụ cột truyền thừa Phật pháp. Khi niềm tin vào Tăng được nuôi dưỡng bằng sự thân cận, học hỏi và hành trì, hành giả bước vào con đường tu tập vững chắc, hướng đến giải thoát tối hậu.

Phát khởi và tu tập Bồ-đề tâm



(Ảnh: Internet)

Hành giả nhờ gieo trồng Bồ-đề từ nhiều đời, có niềm tin nơi Tam bảo, được chư Phật, Bồ-tát gia trì và thiện hữu tri thức hướng dẫn, nên phát khởi đại Bồ-đề tâm hạt giống giác ngộ lớn lên từ mảnh đất từ bi. Kinh dạy: vì muốn cứu độ tất cả hữu tình, Bồ-tát khởi sức bi niệm, cầu vô thượng Bồ-đề, không chỉ mong giải thoát cho mình mà còn nguyện ở lại cõi đời cứu độ vô lượng chúng sinh.

Bồ-tát tôn kính, cúng dường chư Phật khắp mười phương như Kinh Phạm-võng nói: “Bồ-tát muốn điều phục tất cả chúng sinh... muốn thờ phụng cúng dường tất cả Phật... mà phát Bồ-đề tâm”, thể hiện tính toàn diện, vô điều kiện của tâm nguyện. Tâm Bồ-đề là sự hòa hợp giữa đại bi với chúng sinh và lòng kính Phật vô hạn, tạo sức mạnh giúp Bồ-tát kiên trì tu tập, giải thoát tất cả hữu tình.

Trên đường hành đạo, Bồ-tát giữ giới thanh tịnh, tinh tấn học pháp, khéo ứng dụng phương tiện giáo hóa tùy căn cơ. Ngài đoạn trừ hoặc nghiệp nhưng vẫn nguyện ở lại độ sinh, coi khổ của chúng sinh như khổ của chính mình, thương như mẹ thương con. Cốt lõi tu Bồ-đề tâm là quán các pháp vốn vô sinh, vô diệt, buông bỏ chấp thủ, không rơi vào Niết-bàn an tĩnh hay sinh tử mê lầm, mà an trú trong pháp tánh bình đẳng.

Giới thứ 34 dạy: “Nếu khi vọng tâm khởi lên, biết thì chớ có rong ruổi theo, kho vọng niệm dứt... mười phương chư Phật dùng hạnh nguyện thắng nghĩa làm giới”. Tu Bồ-đề tâm là tiến trình liên tục quán chiếu, điều phục vọng niệm, nhờ đó tâm thanh tịnh, trí tuệ và từ bi vô lượng. Diệu dụng của Bồ-tát là ở ngay nơi biển khổ, dùng phao giới cứu vớt chúng sinh vô lượng kiếp mà không thối thất, không nhiễm ô, cũng không chấp vào người cứu hay kẻ được cứu.

Chí nguyện kiên cố

Hành giả muốn được có được nhân duyên thù thắng hỗ trợ để đạt được quả vị diệu vô lượng thiện pháp thì cần phải có tâm mong cầu ưa muốn để hoàn thành, đó chính là nguyện. Muốn ý nguyện được viên thành thì tâm phải quyết đoán, ý chí phải đồng mãnh đó là thệ. Như vậy mới khiến cho tâm không sinh khởi sợ hãi với quả vị Phật và cảnh khổ của chúng sinh mà thối lui.

Mọi tâm nguyện tu hành của hành giả đều lấy giới làm nền tảng, vì giới là cội gốc nuôi dưỡng đạo tâm và định hướng con đường tu tập. Hành giả phát nguyện tha thiết được gặp minh sư thiện hữu tri thức, để được hướng dẫn đúng đắn trong việc học và hành trì giáo pháp Đại thừa. Sau khi được học pháp, hành giả phát nguyện tu tập theo thứ lớp, từ Thập trụ đến các giai đoạn tu hành tiếp theo, và chứng đắc các quả vị Tam hiền, Thập thánh. Trong suốt quá trình ấy,

việc kiên cố trì giới là điều kiện tất yếu để bảo đảm sự thăng tiến trên con đường đạo. Hành giả phát tâm giữ giới nghiêm túc, quyết tâm đi trọn con đường tu học cho đến khi thành tựu viên mãn.

Khi đã được gặp Thầy bạn và bước vào giáo pháp, hành giả cần phát khởi tâm cầu pháp chân thành, thân cận học hỏi với lòng tôn kính, tiếp nhận sự hướng dẫn từ các bậc thiện tri thức. Nhờ sự chỉ dạy khéo léo của thầy, hành giả vững vàng bước đi trên con đường Đại thừa, vượt thoát khỏi thiên kiến của nhị thừa, không bị lôi kéo bởi tà kiến và vọng chấp của ngoại đạo. Với chính tín kiên cố, hành giả phát khởi Thập phát thú tâm, kiên quyết hướng thượng, chí cầu viên mãn sự học, mong được thâm nhập Phật pháp và đạt đến giác ngộ rốt ráo.

Khi chí nguyện tu học đã vững vàng, hành giả lấy tâm đại bi làm nền tảng trong mọi hành vi. Mọi hành động đều xuất phát từ sự quan tâm sâu sắc đến an lạc của chúng sinh, thấy nỗi khổ của chúng sinh như chính mình đang gánh chịu, nên càng khẩn thiết tinh tấn tu hành. Hành giả không ngừng làm tăng trưởng các thiện pháp, lấy đó làm phương tiện độ thoát vô lượng chúng sinh. Tâm niệm ấy luôn hiện diện trong từng hành vi, từng khoảnh khắc, không hề gián đoạn. Vì vậy, chí nguyện Đại thừa không bao giờ bị quên lãng, mà thấm nhuần vào từng cử chỉ, ngôn ngữ và tâm hành của hành giả trong suốt quá trình tu tập và hóa độ.



(Ảnh: Internet)

Trải qua thời gian lâu xa tu tập, hành giả thấy biết sâu xa Phật pháp, thấy biết như thật bản chất của thế gian, chí nguyện Đại thừa kiên cố vững chắc. Ước nguyện thành Phật đạo và hành vi cứu độ chúng sinh, không còn tách biệt. Hành giả hướng đến chúng sinh đang bị trôi xoay trong bốn dòng nước xoáy

(hay còn gọi là bốn bậc lưu, Skt. Catvāraoghāḥ) mà phát tâm ước muốn cứu độ họ.

Đối với chúng sinh đang bị nhấn chìm bởi dòng xoáy của dục vọng (dục bậc lưu, Skt. Kāmaugha), hành giả ước muốn làm con thuyền chính pháp đưa chúng sinh vượt qua đại dương. Đối với những chúng sinh đang bị nhấn chìm bởi dòng xoáy tồn tại (hữu bậc lưu, Skt. Bhavaugha), muốn làm cầu đại pháp. Đối với những chúng sinh đang bị nhấn chìm trong dòng xoáy kiến chấp (kiến bậc lưu, Skt. Dṛṣṭyogha), hành giả muốn làm ngọn đèn trí tuệ soi chiếu cho họ. Đối với những chúng sinh đang bị nhấn chìm bởi dòng xoáy vô minh (vô minh bậc lưu, Skt. Avidyaugha), hành giả muốn làm người chỉ dẫn đường đi của bậc Thánh.

Với chí nguyện kiên cố như vậy, hành giả mới thành tựu được quả vị giải thoát và trọn vẹn với chí nguyện cứu độ chúng sinh. Không sợ hãi nơi quả vị cao thượng cũng không khiếp nhược nơi dòng chảy sinh tử. Gặp bất cứ hoàn cảnh nào cũng không thối thất, chí nguyện kiên cố rằng mình và chúng sinh đều được giải thoát.

Phương tiện sám hối

Hành giả phạm phước sau khi thọ giới, rồi lại phạm giới là điều khó tránh khỏi. Thế nhưng, nếu hành giả biết mình phạm tội và như pháp mà sám hối, giới thể phục hồi giúp hành giả tiếp tục hạnh nguyện tu học không chỉ đời này mà còn nhiều đời về sau nữa.

Sám hối, thường được định nghĩa tiếng Phạn là sám-ma (Skt. Kṣama), Trung Hoa dịch là hối quá. Tuy nhiên theo Thầy Tuệ Sỹ, “tiếng Phạn không có từ tương đương với từ “sám hối”, từ chính thức tiếng Phạn là āpatti-pratidesāna, dịch là thuyết tội hay nói đầy đủ là chí tâm thuyết tội”[2].

Pháp sám hối, theo Phạm-võng kinh có ba cách.

Thứ nhất, Tác pháp sám, người phạm lỗi chí thành khẩn thiết, ngày đêm sáu thời cầu cho ba nghiệp được thanh tịnh. “Ở trước tượng Phật và Bồ-tát mà nói tội và sám hối”[3].

Thứ hai, thủ tướng sám là tâm được định, chấm dứt vọng tưởng, lấy hiện tượng làm định kỳ. “Ở trong đạo tràng thấy Phật đến xoa đầu, thấy hào quang, thấy hoa báu, hoặc ở trong mộng thấy các thứ tướng hảo”[4]. Trong các tướng này, thấy tướng nào thì tội liền được tiêu diệt.

Thứ ba, vô sinh sám hối là tất cả tội lỗi đều từ tâm hư vọng điên đảo mà sinh khởi. Hành giả phải rõ biết, tâm vốn không sinh, tội vốn không chủ, thấy cuối nguồn của tội. Muốn sám hối thì ngồi cho thật trang nghiêm ngay ngắn, niệm thật tướng, các tội như sương móc, mặt trời trí tuệ hay phá trừ, chính là nghĩa đó. Từ ba phương pháp sám hối này, tùy vào từng loại giới mà hành giả phạm phải mà áp dụng để thực hành sám hối. Riêng phạm bảy tội nghịch, nếu phạm thì không được thọ giới, nếu thọ giới rồi mà phạm thì không thể sám hối và không được thọ lại.

Nếu phạm một trong 10 giới trọng, thì thực hành thủ tướng sám hối. Tức phải sám hối cho đến khi thấy được tướng tốt, lúc ấy giới pháp mới được phục hồi, không thọ giới lại. Nếu không thấy được tướng tốt, thì nhờ vào năng lực sám hối mà được tăng trưởng lợi ích về sau. Vì về sau tâm ân cần tha thiết sám hối, ăn năn không gián đoạn, cần cầu khẩn thiết đầu thành sám hối, thì tội cao như núi Thái cũng bị sụp đổ. Hoà thượng Trí Quang cho rằng “sám hối mà không thấy tướng tốt thì được thọ lại”.[5]

Nếu phạm một trong 48 giới khinh thì nên đối trước một vị Tỳ-kheo Bồ-tát, phát lồ sám hối thì tội được tiêu diệt, không cần thấy tướng hảo. Vị ấy cần thưa như sau “Trưởng lão biết cho. Tôi tên là ... vì vi phạm pháp Tỳ-nại-da của Bồ-tát, phạm tội ác tác sự kiện có danh xưng như vậy...”[6]. Nếu không có vị Tỳ-kheo Bồ-tát để thuyết tội, vị ấy nên đứng trước tượng Phật, chí tâm sám hối, nói lên lỗi của mình với Phật, quyết tâm không tái phạm trở lại và nhất thiết phòng hộ ở tương lai.

Tuy nhiên, sám hối không chỉ dừng lại ở việc nhận lỗi và mong cầu sự tha thứ. Điều quan trọng là sau khi đã sám hối, hành giả phải có ý chí kiên quyết không tái phạm những lỗi lầm đã qua. Sự hối cải chân thật phải đi kèm với hành động cụ thể, thể hiện qua sự tỉnh giác và phòng hộ các giác quan, ý niệm, không để những lỗi lầm tương tự có cơ hội phát sinh.

Hơn nữa, sự tỉnh giác phòng hộ không chỉ giới hạn ở việc ngăn ngừa tái phạm những lỗi cũ mà còn bao gồm việc cẩn trọng quan sát và ngăn chặn những lỗi lầm mới, những điều chưa từng phạm. Hành giả luôn giữ tâm chính niệm, soi xét từng hành động, lời nói, ý nghĩ, nhận diện những nguy cơ tiềm ẩn có thể dẫn đến sai lầm, từ đó có những biện pháp phòng tránh kịp thời.

Hòa hợp Tăng đoàn

Khái niệm về Tăng đoàn và điều kiện Tăng đoàn hòa hợp

Tăng đoàn (僧團) hay còn gọi là Tăng già (僧伽) có nguyên gốc từ tiếng Pāli là Saṅgha và tiếng Sanskrit là Saṃgha, được hiểu là cộng đồng của những người xuất gia tu hành theo Phật giáo.

Các Hán dịch khác như hoà, chúng, hoặc hoà hợp nhấn mạnh đến đặc tính cơ bản của Tăng đoàn là sự hòa hợp và sống chung của các thành viên.

Theo Phật Quang đại từ điển: “Tăng già chỉ cho đệ tử của Phật xuất gia tu đạo, đầy đủ giới, định, tuệ giải thoát, giải thoát tri kiến, trụ nơi giai vị Tứ hướng, Tứ quả, hoặc chỉ cho đoàn thể gồm bốn vị Tỷ-kheo trở lên sống hoà hợp theo tinh thần giới luật”[7].



(Ảnh: Internet)

Như vậy, Tăng già là đoàn thể những người từ bỏ gia đình, sống cuộc sống độc thân, phát nguyện sống trong tinh thần hoà hợp và thanh tịnh, để hỗ trợ cho nhau thực hiện đời sống giải thoát và lý tưởng giác ngộ. Một Tăng đoàn tối thiểu phải gồm bốn vị Tỷ-kheo, dưới bốn vị không thể gọi là tăng đoàn, hoặc ba vị Tỷ-kheo và một vị sa-di cũng không thể gọi là tăng đoàn được. Tăng đoàn là một trong ba ngôi báu biểu hiện sự có mặt của Phật giáo và là những người trực tiếp thay đức Phật truyền giới pháp cho cả Tăng lẫn cư sĩ Phật tử tại gia. Năm vị tôn giả, được biết đến là năm anh em Kiều Trần Như là tăng đoàn đầu tiên của Phật giáo.

Để đạt được sự hòa hợp, Tăng đoàn cần tuân thủ bảy nguyên tắc cốt lõi mà đức Phật đã chỉ dạy: “Một là thường xuyên hội họp định kỳ để phát triển; hai là hội

hợp, giải tán và làm việc cùng nhau trong hòa hợp; ba là không làm trái luật, không bỏ luật, hành xử theo đúng học pháp; bốn là tôn trọng, kính lễ các bậc trưởng lão và lắng nghe ý kiến của họ; năm là không bị tham ái chi phối; sáu là chú tâm an trú nơi thanh vắng; bảy là mỗi người tự thiết lập chính niệm, tạo điều kiện cho người có giới hạnh đến tu và người đã đến được an lạc”. [8]

Trong bối cảnh đời sống cộng đồng Tăng lữ, bảy nguyên tắc hòa hợp đóng vai trò như một hệ thống quy tắc ứng xử và tổ chức mang tính cấu trúc, hướng đến việc kiến tạo một môi trường tu tập thuận lợi và bền vững. Việc tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc này có tác dụng giảm thiểu đáng kể các xung đột và tranh chấp nội bộ, vốn là những yếu tố gây phân tán và suy yếu sức mạnh tập thể. Thay vào đó, một môi trường hòa hợp và tôn trọng lẫn nhau sẽ thúc đẩy sự hỗ trợ đa chiều giữa các thành viên, bao gồm cả sự chia sẻ về nguồn lực vật chất và sự khích lệ tinh thần, tạo điều kiện tối ưu cho mỗi cá nhân trên hành trình đạt đến giác ngộ.

Xét trên phương diện ảnh hưởng xã hội, hình ảnh một Tăng già hòa hợp và thanh tịnh tự thân nó đã là một phương tiện hoằng pháp hiệu quả. Sự nhất quán trong giới luật và sự hòa ái trong cộng đồng tạo dựng một ấn tượng tích cực, khơi gợi lòng tin và niềm kính ngưỡng từ cộng đồng xã hội đối với Phật giáo. Khi Phật pháp được duy trì và phát triển dựa trên nền tảng một Tăng đoàn vững mạnh, nó không chỉ mang lại sự an lạc và hạnh phúc cho những người xuất gia mà còn đóng góp vào việc xây dựng sự ổn định và bình yên cho toàn xã hội thông qua việc lan tỏa các giá trị đạo đức và tinh thần. Như vậy, sự hòa hợp trong Tăng đoàn không chỉ là một yếu tố nội tại mà còn có ý nghĩa lan tỏa và tác động tích cực đến môi trường xã hội bên ngoài.

Đối với đời sống cộng đồng Tăng lữ, bảy nguyên tắc này giúp tạo nên môi trường tu tập thanh tịnh, tránh được các xung đột tranh chấp giữa các thành viên. Các thánh viên được hỗ trợ về mặt vật chất cũng như tinh thần trên con đường giác ngộ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tu tập.

Nguyên nhân khiến Tăng tranh cãi và cách xử trị

Sự tranh cãi trong Tăng chúng nếu có, thì có bốn thứ tự như luật nghi ngôn tránh, mịch tránh, phạm tránh, sự tránh. Để chấm dứt sự tranh cãi trong chúng, phải dùng bảy pháp dứt sự tranh cãi như: đáng cho làm phép hiện tiền Tỳ-ni thời nên cho pháp hiện tiền Tỳ-ni; đáng cho làm phép ức niệm Tỳ-ni thời nên cho pháp ức niệm Tỳ-ni; đáng cho làm phép bất si Tỳ-ni thời nên cho pháp bất si Tỳ-ni; đáng cho làm phép tự ngôn trị thời nên cho phép tự ngôn trị; đáng cho làm phép tội xứ sở thời nên cho phép tội xứ sở; đáng cho làm phép đa nhân ngữ

nên cho pháp đa nhân ngữ. đáng cho làm pháp như thảo phú địa thời nên cho làm phép như thảo phú địa.

Ngôn tránh (Skt. Vivādādhikaraṇa), là sự tranh cãi xảy ra do tranh luận, cãi cọ nhau về một vấn đề. Các đề tài khiến cho các Tỳ-kheo tranh luận thường liên quan đến giới luật, giáo nghĩa Đại thừa. Khi thảo luận hay giải bày về chúng, giữa các Tỳ-kheo có thể xảy ra quan điểm bất đồng hay dị biệt, làm cho giữa các Tỳ-kheo có sự tranh cãi nổ ra. “Để chấm dứt sự tranh cãi này, cần áp dụng hai nguyên tắc: hiện tiền Tỳ-ni và đa nhân ngữ”[9]

Mích tránh (Skt: Anuvādādhikaraṇa): Là sự tranh cãi xảy ra, khi có Một Tỳ-kheo tố giác một Tỳ-kheo khác mà không có căn cứ. Sự cử tội này xảy ra khi có vị Tỳ-kheo từ những chuyện nhỏ nhặt nhưng xuyên tạc thành lớn và vu khống, hoặc hiểu sai vấn đề mà đi tố cáo. Tỳ-kheo với tâm ghen ghét người hiền lương, mà đem lời người nói qua lại, phỉ báng khiến họ tranh cãi, việc làm này khiến họ mất đi sự hoà hợp, không an tâm tu học”. Khi có sự việc xảy ra thì “Sự tranh cãi này được dập tắt trên bốn nguyên tắc: hiện tiền Tỳ-ni, ức niệm Tỳ-ni, bất si Tỳ-ni, tội cứ sở Tỳ-ni”[10]

Phạm tránh (Skt: Āpattādhikaraṇa): Là tránh sự này không phải là tranh cãi, mà là đã có những sự việc không hay xảy ra trong chúng, cần phải dập tắt để duy trì sự thanh tịnh cho chúng Tăng. Khi có ai đó trong chúng, vi phạm các điều luật về giới bốn. “Sự việc này được dập tắt theo quy tắc: tự ngôn trị và hiện tiền Tỳ-ni”[11]

Sự tránh (Skt: Kiccādhikaraṇa): Là chỉ cho các tranh cãi liên quan đến những nghĩa vụ thường ngày của Tăng như Yết-ma truyền giới, sám hối, hay liên hệ đến đại chúng như thuyết giới Bố-tát, tự tứ. Những tranh chấp này xảy ra khi Tăng chúng thực hiện các công việc này không đúng theo Chánh pháp, dẫn đến sự bất hòa. Sự việc này được chấm dứt bằng hiện tiền Tỳ-ni và như thảo phú địa.

Đức Phật khuyên dạy Tăng đoàn cùng nhau chung sống dựa trên những nền tảng căn bản để đưa đến sự hoà hợp, thanh tịnh và tinh thần tu học cùng nhau. Một tập thể chúng Tăng sống cùng nhau trên nền tảng Giới- định-tuệ thì tập thể ấy sống hoà hợp, hoan hỷ, tu tập cùng nhau, đem lại hạnh phúc cho số đông. Một tập thể như vậy sẽ không bị bất kỳ sự chia rẽ, xung đột nào từ bên trong hay sự tấn công, phá hoại nào từ bên ngoài có thể làm tổn thương, Chánh pháp cũng nhờ vậy mà được soi sáng ở thế gian.

Mọi sự tranh cãi nếu có xảy ra trong Tăng đoàn đều xuất phát từ hai nguyên nhân chính phóng túng sáu ăn và tham cầu danh dự lợi dưỡng. Nếu có sự tranh

cãi xảy ra trong Tăng đoàn, sẽ được xử trị bằng bảy pháp diệt tránh. Sự hoà hợp Tăng già đến từ sự hoà hợp của từng cá thể trong Tăng đoàn với nhau, vì vậy trong giới Phạm-võng ngoài những điều giới cấm chế để cá nhân thanh tịnh, bên cạnh đó có những giới điều cá nhân không được làm để không làm mất sự hoà hợp ở trong Tăng đoàn.

Bồ-tát giới Phạm-võng với sự hòa hợp Tăng đoàn

Tăng đoàn được bảo hộ dưới sự bảo hộ của giới luật do chính đức Phật chế. Trong 10 lợi ích chế giới (Pāli: Dasa atthavase paṭicca), hai lợi ích đầu tiên tập trung vào sự hoà hợp của Tăng đoàn. Cụ thể, lợi ích thứ nhất là Tăng hoà hiệp và thứ hai là Tăng đoàn kết, hai lợi ích này nhấn mạnh rằng giới luật là nền tảng quan trọng để xây dựng sự đoàn kết và hòa hợp trong Tăng đoàn, yếu tố then chốt cho sự tồn tại và phát triển của Phật pháp. Việc Tỷ-kheo và Tỷ-kheo ni phát nguyện thọ trì giới luật hoàn toàn dựa trên tinh thần tự nguyện. Tương tự, Bồ-tát giới có vai trò hộ trì và hỗ trợ Bồ-tát trong việc thực hành các hạnh nguyện cao cả, đồng thời góp phần xây dựng một cộng đồng Tăng già hòa hợp, thanh tịnh, tạo điều kiện thuận lợi cho cả sự tu tập tự thân và việc giúp đỡ người khác.

Giới điều Phạm-võng đóng vai trò then chốt trong việc duy trì sự thanh tịnh và hòa hợp của Tăng đoàn bằng cách hướng dẫn từng cá nhân giữ gìn ba nghiệp (thân, khẩu, ý) trong sạch. Việc mỗi thành viên nghiêm trì giới luật giúp ngăn ngừa những hành động, lời nói và ý nghĩ bất thiện có thể gây ra xung đột giữa cá nhân với nhau và với toàn thể Tăng chúng. Nhờ vậy, giới luật Phạm-võng trực tiếp góp phần kiến tạo một Tăng già thanh tịnh, hòa hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho sự tu tập và phát triển tâm linh của cả cộng đồng.

Hành giả đối với Tăng đoàn luôn sống theo những giới điều mà mình đã thọ trì, không để cho vi phạm. Chuyên tâm tu học Phật pháp, giới luật không biết mệt mỏi, nhờ văn-tư-tu mà vào được Đại thừa tâm địa pháp môn. Thông hiểu kinh luật, nhờ đó mà không có sự tranh cãi xảy ra giữa các Tỷ-kheo trong khi luận bàn giáo nghĩa.

Đã thọ giới Bồ-tát, đối với bạn đồng tu, phải dùng tâm từ bi, thương xót để sống với nhau. Nếu họ không có lỗi thì không nên vì lòng ganh tỵ, đố kỵ mà chê bai, phỉ báng họ. Nếu có lỗi thì phương tiện khéo léo, khiến họ biết lỗi để sửa đổi. Từ vô thủy đến nay có tích chứa tập khí ác khẩu, thấy người có chút sai sót hay khuyết điểm lại thừa dịp đi rao nói, thêm bớt nhiều điều khiến cho ai nghe cũng tin. Làm cho người bị hại sinh tâm oán hận, cản trở con đường tu tập của họ.

Tỳ-kheo không nên có ác tâm đi nói lỗi người này với người khác và ngược lại, khiến họ tranh cãi nhau, trái với pháp lục hoà của chúng Tăng. Không được vì tâm ghen ghét dựng lên chuyện thị phi, phải trái khiến họ gây hận với nhau. Lại không được vì sự đố kỵ, dùng lời nói hư dối mà huỷ báng, lăng mạ người hiền lương, tới người khác nói lỗi của họ.

Là bậc xuất gia, sống với các bạn đồng tu bằng thiện tâm, phải luôn ẩn ác dương thiện, phô bày điều tốt, che cái xấu cho người. Đối với Tăng từ mười phương đến, tức tất cả Tăng chúng thì phải nghinh tiếp cung cấp mọi thứ cho khách Tăng dùng. Tăng là chúng hoà hợp, bốn người trở lên cho đến trăm, ngàn người. Một tập thể Tăng-già hoà hợp, dựa trên sáu pháp hoà kính:

Một là thân hoà đồng trú: Nơi ở của chúng Tăng thì có nhiều tên gọi khác nhau, đồng trú là cùng ở trong một đại giới tu hành. Chỗ của Tăng nương ở, tụ hội an cư thì gọi là Tăng phường, nơi chúng sinh gieo trồng mầm đạo Thánh quả. Tự viện là nơi mà Tăng qua lại.

Hai là khẩu hoà vô tránh: Đối với bạn nên tán thán, khen ngợi, không sợ người khác hơn mình, luôn tán dương làm cho rộng biết những đức hạnh tốt đẹp của họ. Thường xuyên cùng nhau bàn luận giáo pháp, thuyết pháp cho đại chúng.

Ba là ý hoà đồng duyệt: Mọi việc trong chúng, cần nên bàn bạc và hỏi ý kiến đại chúng, nếu chúng đồng ý mới được làm, chúng không đồng ý thì không được làm.

Bốn là giới hoà đồng tu: Bồ-tát xuất gia tùy vào giới mình đã thọ nhận và trú xứ mình ở, cùng nhau thọ trì gìn giữ 250 giới Tỳ-kheo, 348 giới Tỳ-kheo ni hay 58 giới Bồ-tát. Mỗi năm thường an cư kiết hạ từ ngày 16 tháng tư kiết đến rằm tháng 7 âm lịch. Mỗi nửa tháng thường tụng giới kinh không nên bỏ kỳ nào. Một người Bồ-tát thì một người tụng, cho đến trăm ngàn người cũng chỉ một người tụng, khiến cho đại chúng nghe không bị huyên não ồn ào, mỗi mỗi đều được nhất tâm. Người tụng ngồi cao, thể hiện giới pháp phải được tôn sùng. Người nghe ngồi thấp thể hiện tâm khiêm tốn, kính giới. Theo thứ lớp mà ngồi, người thọ giới trước thời ngồi trước, người thọ giới sau thời ngồi sau.

Năm là kiến hoà đồng giải: Đây là sự hòa hợp trong nhận thức, cùng nhau hiểu rõ và chia sẻ những kiến giải về giáo lý Đại thừa chân chính. Giáo lý này, bắt nguồn từ tâm thanh tịnh, giác ngộ của chư Phật, có bản chất thường hằng, không sinh không diệt, được gọi là nhất thật giáo tức là chân lý tuyệt đối. Bất kỳ sự diễn giải nào phù hợp với bản chất này đều là chân chính và dẫn đến sự hòa hợp trong nhận thức của cộng đồng tu học.

Sáu là lợi hoà đồng quân: Là cùng một Tăng đoàn, cùng thụ hưởng thí chủ lợi dưỡng, cúng dường. Đối với các lợi dưỡng do đàn việt cúng dường như thức ăn, thuốc men, y phục... đều nên có phần bình đẳng.

Hoặc có đàn việt đến thỉnh đại chúng cúng dường, hoặc thỉnh hết hoặc thỉnh giới hạn, nên theo vị Thượng tọa nương thứ tự mà đi, không kể là chúng ở chùa hay khách Tăng. Không được tự mình lấy vật của chúng Tăng mà dùng riêng, hoặc mình và người thân hữu dùng vật tốt, nơi ở đẹp để vật xấu và nơi ở thấp kém cho chúng Tăng. Không được tự mình thọ nhận người khác thỉnh riêng.

Kết luận

Giới luật là nền tảng cội gốc để chúng sinh thành Phật. Đối với những ai đã phát tâm thọ giới phải thường xuyên thọ trì để không bị quên mất, không chỉ những ngày Bồ-tát thuyết giới, mà trong tất cả thời nếu rảnh đều nên thường xuyên tụng niệm để không xao nhãng đối với giới luật. Tự mình thông rành kinh luật, lại tiếp tục dạy cho chúng sinh để tất cả đều được tu học và gìn giữ giới luật. Đó là cách làm cho chính pháp được sáng rõ, như ngọn đèn được đốt dầu liên tục không bao giờ bị tắt. Giới giúp cho chúng sinh xa rời nghiệp dữ, dứt trừ nghiệp ác nơi thân, khẩu, ý, không rơi vào trong các đường dữ, được sinh lên các cõi trời, cõi người. Giới pháp là vô cùng rộng lớn và sâu sắc, 58 giới được đề cập chỉ là một phần tóm lược trong giáo pháp bao la của bảy vị Phật. Vì lẽ đó, từ những người mới bắt đầu bước chân vào con đường tu học cho đến những vị Bồ tát đã có tâm nguyện lớn, một khi đã phát tâm thọ nhận giới, thì cần phải tinh tấn và nỗ lực không ngừng để có thể chúng đạt được quả vị Phật tối thượng.

Hành giả một lòng hướng đến Đại thừa, nhưng không rời bỏ Thanh văn, bởi đó là nền tảng. Hướng tới Đại thừa là hướng đến phương tiện thiện xảo, linh hoạt trong thời đại. Con đường tu tập của hành giả luôn luôn gắn liền với con đường hoằng hoá độ sinh, thương chúng sinh như con đò mà phát Bồ-đề tâm đưa chúng sinh ra khỏi lao ngục sinh tử. Chúng sinh vô số, nguyện và phương tiện của Bồ-tát cũng tương ứng, kham nhẫn trước khó khăn trên con đường cứu độ chúng sinh, hầu đưa họ đến với ánh sáng trí tuệ.

Tác giả: Nguyễn Thị Hà (Tuệ Đức), NCS Ths Khóa II, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.

Chú thích:

[1] Lê Mạnh Thát, Tuệ Sỹ dịch, Dẫn vào tuệ giác Phật, Nxb. Hồng Đức

[2] Tuệ Sỹ (2015), Du-già-bồ-tát-giới, tr. 157, Nxb. Phương Đông.

- [3] HT. Thích Trí Tịnh dịch, Kinh Phạm võng Bồ-tát giới, tr. 50, Nxb. Tôn giáo.
- [4] HT. Thích Trí Tịnh dịch, Kinh Phạm võng Bồ-tát giới, tr. 51, Nxb. Tôn giáo.
- [5] Thích Trí Quang biên dịch (2018), Tổng hợp Giới pháp xuất gia tập 1, tr. 637, Nxb. Hồng Đức.
- [6] Tuệ Sỹ (2015), Du-già-bồ-tát-giới, tr. 165, Nxb. Phương Đông.
- [7] Thích Quảng Độ dịch (2014), Phật Quang đại từ điển tập 4, tr.5592, Nxb. Phương Đông.
- [8] Thích Trí Thủ biên soạn (1991), Yết-ma yếu chỉ, tr.16-17, Trường Cao cấp Phật học Việt Nam.
- [9] Thích Nguyên Chứng biên soạn (2024), Pháp diệt tránh, tr. 87, Nxb. Đà Nẵng.
- [10] Thích Nguyên Chứng biên soạn (2024), Pháp diệt tránh, tr.97, Nxb. Đà Nẵng.
- [11] Thích Nguyên Chứng biên soạn (2024), Pháp diệt tránh, tr. 98, Nxb. Đà Nẵng.